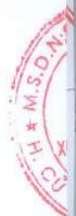


**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>		
Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT	20/3/2009
Ông Đỗ Hoà	Thành viên	20/3/2009
Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên	20/3/2009
Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên	23/01/2015
Ông Lưu Xuân	Thành viên	23/01/2015
<u>Ban kiểm soát</u>		
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Trưởng ban	6/3/2012
Bà Nguyễn Đài Trang	Thành viên	20/3/2009
Ông Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên	20/3/2009
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>		
Ông Đỗ Hùng	Tổng giám đốc	20/3/2009
Ông Đỗ Hoà	Phó Tổng Giám đốc	20/3/2009

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Đỗ Hùng, chức danh Tổng Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào,

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



ĐỖ HÙNG - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 6 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN THỊ THOM - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0787-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

3-C
TY
TUY
LIÊN
HỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019		31/12/2018	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		503.001.760.272		498.138.333.414	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.473.589.053		3.657.041.679	
Tiền	111	V.1	5.473.589.053		3.657.041.679	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		60.840.675.913		59.554.730.626	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	60.840.675.913		59.554.730.626	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.061.205.189		133.061.632.750	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.987.927.377		87.816.752.870	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	31.866.918.917		24.282.798.949	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	12.000.000.000		14.000.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	7.206.358.895		6.962.080.931	
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	296.466.810.800		290.337.215.783	
Hàng tồn kho	141		296.466.810.800		290.337.215.783	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.159.479.317		11.527.712.576	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	110.269.468		389.291.995	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.034.955.633		11.124.166.365	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	14.254.216		14.254.216	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		411.554.909.825		425.281.067.911	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		42.421.244.444		45.044.577.779	
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	6.354.444.444		8.977.777.779	
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	36.066.800.000		36.066.800.000	
II. Tài sản cố định	220		194.472.818.767		204.580.942.929	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	96.338.177.375		104.937.406.531	
Nguyên giá	222		226.868.180.072		240.395.079.622	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(130.530.002.697)		(135.457.673.091)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	731.118.305		971.862.065	
Nguyên giá	225		2.438.990.529		2.438.990.529	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.707.872.224)		(1.467.128.464)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	97.403.523.087		98.671.674.333	
Nguyên giá	228		106.108.473.300		106.108.473.300	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.704.950.213)		(7.436.798.967)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		172.529.967.597		172.529.967.597	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	172.529.967.597		172.529.967.597	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		300.000.000		300.000.000	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	300.000.000		300.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.830.879.017		2.825.579.606	
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.830.879.017		2.825.579.606	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		914.556.670.097		923.419.401.325	

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019	31/12/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		349.576.578.588	365.468.557.383
I. Nợ ngắn hạn	310		349.307.952.588	364.406.867.383
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	7.563.687.077	14.335.163.966
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	166.039.937	913.873.158
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	5.109.421.428	3.306.110.550
4. Phải trả người lao động	314		701.662.952	1.019.747.986
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.132.757.297	564.512.323
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	615.685.410	3.414.400
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	331.018.698.487	341.264.045.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	3.000.000.000	3.000.000.000
II. Nợ dài hạn	330		268.626.000	1.061.690.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	78.306.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	190.320.000	1.061.690.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		564.980.091.509	557.950.843.942
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	564.980.091.509	557.950.843.942
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		495.000.000.000	495.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>495.000.000.000</i>	<i>495.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(74.372.727)	(74.372.727)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.054.464.236	63.025.216.669
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>62.857.216.669</i>	<i>49.869.445.605</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>7.197.247.567</i>	<i>13.155.771.064</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		914.556.670.097	923.419.401.325

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



ĐỖ HÙNG
Tổng Giám đốc

(Handwritten signature)

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

THÁI THỊ CẨM TÚ
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

MÃU B02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/6/2019	đến 30/6/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	317.752.958.663	302.774.198.761
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		317.752.958.663	302.774.198.761
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	294.039.159.187	273.828.216.652
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.713.799.476	28.945.982.109
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.265.276.658	2.169.760.516
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.727.800.576	13.790.916.174
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.610.361.471	13.576.411.999
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.322.739.689	1.701.858.166
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.122.057.314	7.382.128.788
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.806.478.555	8.240.839.497
11. Thu nhập khác	31		3.210.480.959	520.655.725
12. Chi phí khác	32		16.325.719	889.648
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	3.194.155.240	519.766.077
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.000.633.795	8.760.605.574
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.803.386.228	1.752.299.044
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.197.247.567	7.008.306.530
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	145	142
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	145	142

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



ĐỖ HÙNG
Tổng Giám đốc

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

THÁI THỊ CẨM TÚ
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B03a-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.000.633.795	8.760.605.574
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.581.149.571	11.686.470.985
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(28.376)	(374.793)
- (Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.473.053.084)	(2.169.385.723)
- Chi phí lãi vay	06		12.610.361.471	13.576.411.999
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		25.719.063.377	31.853.728.042
- Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09	VII	5.609.993.473	29.407.057.871
- Tăng hàng tồn kho	10		(6.129.595.017)	(17.465.614.329)
- Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	(6.395.893.482)	9.812.372.586
- Giảm chi phí trả trước	12		1.273.723.116	963.388.609
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	(12.042.116.499)	(13.673.278.435)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.995.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(168.000.000)	(168.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.867.174.968	36.734.654.344
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(751.000.000)	(11.562.870.566)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		532.454.545	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.285.945.287)	(29.684.849.444)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30.623.333.335	29.271.666.666
4. Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng	27	VII	1.947.217.950	2.180.382.472
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.066.060.543	(9.795.670.872)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		303.741.704.543	289.699.691.548
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(314.680.672.700)	(315.167.151.913)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(177.748.356)	(1.071.106.611)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.116.716.513)	(26.538.566.976)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.816.518.998	400.416.496
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.657.041.679	3.625.883.731
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.376	374.793
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.473.589.053	4.026.675.020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



ĐỖ HÙNG
 Tổng Giám đốc

TRẦN TRUNG NGHĨA
 Kế toán trưởng

THÁI THỊ CẨM TÚ
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382 ngày 22 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 11 số 0302124121 (thay cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382) ngày 21 tháng 6 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật.

Ngày 4 tháng 3 năm 2015, Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 13/2015/GCNCP-VSD, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Số lượng 16.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tương ứng giá trị 165.000.000.000 VND đã được đăng ký với mã chứng khoán được cấp là KVC. Cổ phiếu của Công ty đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 173/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 3 năm 2015.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 1 số 13/2015/GCNCP-VSD-1 ngày 15 tháng 6 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 16.500.000 cổ phiếu lên 49.500.000 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 165.000.000.000 VND lên 495.000.000.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 495.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 49.500.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở hoạt động chính

- Địa chỉ : 117 Đường Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-028) 3797 9009
- Fax : (84-028) 3797 9100
- Mã số thuế : **0 3 0 2 1 2 4 1 2 1**

Chi nhánh

- Tên chi nhánh 1:** : Chi nhánh Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
- Địa chỉ : Ấp 11 Đường Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mã số chi nhánh	: 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1 - 0 0 1
Tên chi nhánh 2	: Chi nhánh Lý Thường Kiệt - Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Địa chỉ	: 22/48 Lý Thường Kiệt, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh
Mã số chi nhánh	: 0 3 0 2 1 2 4 1 2 1 - 0 0 2

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn inox. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, chi tiết: Mua bán xe chuyên dùng, xe tải, máy công cụ, máy xúc - đào, máy công nghiệp. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Kinh doanh bất động sản; Mua bán, cho thuê nhà ở. Xây dựng nhà các loại. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Mua bán máy nông nghiệp. Sản xuất chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất, gia công định hình inox (không hoạt động tại trụ sở). Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Cán, kéo định hình inox dạng cuộn - dây - ống - U - V (không hoạt động tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 76 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 121 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 thuộc kỳ kế toán năm thứ 12 (mười hai) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuế tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, tạm ứng nhân viên, các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị văn phòng	01 - 05
Cây trồng lâu năm	08

10. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10

11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán/ máy tính.

Quyền sử dụng đất

Giá trị các quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Các quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Phần mềm máy tính/ kế toán

Giá trị phần mềm máy tính/ kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính/ kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 - 8 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào "Chi phí trả trước dài hạn" để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trong trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) của Công ty theo hình thức BCC chia lợi nhuận sau thuế.

BCC chia lợi nhuận sau thuế thường là BCC dưới hình thức hoạt động đồng kiểm soát hoặc do một bên kiểm soát. Trường hợp BCC chia lợi nhuận sau thuế, các bên phải cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

Bên thực hiện kế toán và quyết toán thuế phải căn cứ vào bản chất của hợp đồng để kế toán một cách phù hợp theo nguyên tắc:

Nếu BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:

- Bên thực hiện kế toán của BCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của BCC bao gồm các lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

Nếu BCC quy định các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC thì:

- Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần chia theo thỏa thuận của BCC.
- Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước tiền mua bảo hiểm, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 5 năm.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải nộp bảo hiểm và các khoản phải trả khác.

16. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở sai sót trọng yếu của các năm trước.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận thuần

Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trái phiếu

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

23. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	30/6/2019	31/12/2018
Tiền mặt	2.927.742.744	2.958.347.974
Tiền gửi ngân hàng	2.545.846.309	698.693.705
Cộng	5.473.589.053	3.657.041.679

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	60.840.675.913	60.840.675.913	59.554.730.626	59.554.730.626
Tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (*)	60.840.675.913	60.840.675.913	59.554.730.626	59.554.730.626
b) Dài hạn	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Cộng	61.140.675.913	61.140.675.913	59.854.730.626	59.854.730.626

(*) Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 - 9 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn với lãi suất từ 5,3%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 5,3%/năm đến 5,5%/năm).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp H, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>30/6/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Cửa Hàng Thu Trang	496.216.294	2.201.672.464
Bà Phạm Hoàng Ngọc Trâm	1.073.043.782	1.605.592.900
Cơ Sở Kim Phú	733.676.211	3.036.044.791
Cơ sở Thành Công	951.197.396	1.377.192.387
Công ty TNHH TM DV Xây dựng Đoàn Vũ	-	1.186.287.775
Công ty TNHH Đầu Tư Duy Phương	1.397.780.446	-
Công ty TNHH MTV SX TM DV Đức Phát	5.841.929.900	24.550.750
Công ty TNHH Kinh doanh Kim Đình	15.649.814.701	16.297.900.439
Công ty TNHH Kinh doanh Lạc Hồng	22.957.794.492	19.080.682.379
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	3.605.733.400	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ điện lạnh Phú Đức Tân	1.523.077.388	-
Công ty TNHH Sản Xuất Và Xuất Nhập Khẩu Sao Phương Nam	1.974.061.475	-
Công ty TNHH Quy Việt	1.821.205.176	-
Công ty TNHH Inox Thành Phát	-	2.693.849.501
Công ty Cổ phần Thương mại Thăng Thế	6.977.990.770	10.319.924.813
Công ty TNHH MTV Thành Vinh Anh	2.033.724.661	-
Công ty TNHH TM DV Xây dựng Vũ Hưng Thịnh	-	1.449.036.273
Các khách hàng khác	13.950.681.285	28.544.018.398
Cộng	<u>80.987.927.377</u>	<u>87.816.752.870</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Công ty CP TM XNK Maximex	4.433.365.156	-
Công ty CP Kinh doanh Phú Phong	12.810.953.480	10.956.241.523
Công ty CP Kinh doanh Phù Sa	14.518.165.746	13.199.507.425
Các nhà cung cấp khác	104.434.535	127.050.001
Cộng	<u>31.866.918.917</u>	<u>24.282.798.949</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>30/6/2019</u>		<u>31/12/2018</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn	12.000.000.000	-	14.000.000.000	-
<i>Các khoản cho vay có lãi (i)</i>	<i>12.000.000.000</i>	-	<i>14.000.000.000</i>	-
Ông Đinh Anh Dũng	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Ông Đồng Tấn Phú	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Ông Lê Mạnh Khỏe	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Tuấn Vũ	1.000.000.000	-	3.000.000.000	-
b) Phải thu về cho vay dài hạn	6.354.444.444	-	8.977.777.779	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cho vay mua nhà (ii)	6.354.444.444	-	8.977.777.779	-
Cộng	18.354.444.444	-	22.977.777.779	-

(i) Công ty cho các cá nhân vay tiền trong thời hạn 3 tháng, lãi suất 0,83%/tháng.

(ii) Các khoản hỗ trợ nhân viên đã công tác trên 5 năm tại Công ty vay mua nhà cá nhân.

6. Phải thu khác

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.206.358.895	-	6.962.080.931	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	14.919.407	-	14.919.407	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	27.849.695	-	43.330.667	-
Phải thu lãi cho vay	16.599.999	-	23.240.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.086.251.238	-	775.568.557	-
Phải thu lãi trái phiếu	17.200.002	-	5.887.502	-
Tạm ứng	5.765.425.554	-	5.395.214.598	-
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	278.113.000	-	703.920.200	-
b) Dài hạn	36.066.800.000	-	36.066.800.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	66.800.000	-	66.800.000	-
Góp vốn thực hiện dự án Khu du lịch Bến Thành Long Hải (*)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Cộng	43.273.158.895	-	43.028.880.931	-

(*) Công ty góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 32/KV-BTLH/2016 ngày 5 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 1580/KV-BTLH ngày 15 tháng 8 năm 2017, để đầu tư vào dự án Khu Du lịch Bến Thành Long Hải tại Tỉnh lộ 44A, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải làm chủ đầu tư. Theo thỏa thuận, tổng vốn đầu tư là tổng chi phí chuẩn bị đầu tư, thi công xây dựng hoàn thiện công trình dự án cho tới khi dự án hoàn thành đi vào khai thác. Theo mục 3 điều 4 của Hợp đồng này, Công ty sẽ góp vốn bằng tiền với tỷ lệ 10% tổng vốn đầu tư của dự án. Hiện tại, hai bên chưa xác định được chính xác tổng vốn đầu tư của dự án. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã góp vốn đầu tư đợt 1 với số tiền là 36.000.000.000 VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp của các bên. Hiện tại, dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	41.525.538.154	-	39.414.155.231	-
Công cụ, dụng cụ	7.636.571.053	-	8.575.451.195	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.526.945.649	-	5.449.444.290	-
Thành phẩm	122.477.404.771	-	141.168.125.880	-
Hàng hóa	118.300.351.173	-	95.730.039.187	-
Cộng	296.466.810.800	-	290.337.215.783	-

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, hàng tồn kho của Công ty với giá trị là 17.043.490.994 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 47.211.428.571 VND) đã được sử dụng để thế chấp cho khoản các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Sài Gòn (xem Thuyết minh số V.18).

8. Chi phí trả trước

	30/6/2019	31/12/2018
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	110.269.468	389.291.995
Chi phí công cụ, dụng cụ	23.086.371	82.484.644
Chi phí bảo hiểm	8.746.899	43.059.257
Chi phí sửa chữa	33.308.179	82.134.843
Các chi phí khác	45.128.019	181.613.251
b) Chi phí trả trước dài hạn	1.830.879.017	2.825.579.606
Chi phí công cụ, dụng cụ	969.107.400	1.581.920.000
Chi phí bảo hiểm	9.654.750	-
Chi phí sửa chữa	773.454.949	1.130.201.538
Các chi phí khác	78.661.918	113.458.068
Cộng	1.941.148.485	3.214.871.601

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị (*)	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2019	92.122.495.496	141.060.029.586	4.513.154.406	999.400.134	1.700.000.000	240.395.079.622
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	11.394.730.326	2.132.169.224	-	-	13.526.899.550
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>11.394.730.326</i>	<i>2.132.169.224</i>	-	-	<i>13.526.899.550</i>
30/6/2019	92.122.495.496	129.665.299.260	2.380.985.182	999.400.134	1.700.000.000	226.868.180.072
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2019	46.495.332.677	83.983.175.248	3.587.297.540	966.867.634	424.999.992	135.457.673.091
Tăng trong kỳ	3.851.134.830	3.966.397.282	139.599.955	8.872.500	106.249.998	8.072.254.565
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>3.851.134.830</i>	<i>3.966.397.282</i>	<i>139.599.955</i>	<i>8.872.500</i>	<i>106.249.998</i>	<i>8.072.254.565</i>
Giảm trong kỳ	-	11.394.730.326	1.605.194.633	-	-	12.999.924.959
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	<i>11.394.730.326</i>	<i>1.605.194.633</i>	-	-	<i>12.999.924.959</i>
30/6/2019	50.346.467.507	76.554.842.204	2.121.702.862	975.740.134	531.249.990	130.530.002.697
Giá trị còn lại						
01/01/2019	45.627.162.819	57.076.854.338	925.856.866	32.532.500	1.275.000.008	104.937.406.531
30/6/2019	41.776.027.989	53.110.457.056	259.282.320	23.660.000	1.168.750.010	96.338.177.375

(*) Trong đó, nguyên giá của máy móc thiết bị tạm ngưng hoạt động để sửa chữa do sự cố nổ tụ điện là 29.242.772.424 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ thế chấp nợ vay:

01/01/2019	33.419.022.185	6.812.955.269	792.643.571	-	-	41.024.621.025
30/6/2019	30.949.569.509	6.052.547.551	192.069.595	-	-	37.194.186.655

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:

01/01/2019	2.423.323.351	43.865.335.325	2.680.012.861	910.675.134	-	49.879.346.671
30/6/2019	2.423.323.351	32.817.807.759	1.263.298.182	910.675.134	-	37.415.104.426

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2019	1.586.786.219	852.204.310	2.438.990.529
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2019	1.586.786.219	852.204.310	2.438.990.529
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2019	1.289.585.889	177.542.575	1.467.128.464
Tăng trong kỳ	198.133.542	42.610.218	240.743.760
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>198.133.542</i>	<i>42.610.218</i>	<i>240.743.760</i>
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2019	1.487.719.431	220.152.793	1.707.872.224
Giá trị còn lại			
01/01/2019	297.200.330	674.661.735	971.862.065
30/6/2019	99.066.788	632.051.517	731.118.305

Như trình bày tại Thuyết minh số V.18, toàn bộ các tài sản thuê tài chính đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ thuê tài chính có liên quan.

Nguyên giá của máy móc thiết bị thuê tài chính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 397.984.950 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 397.984.950 VND).

11. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính/ kế toán	Cộng
Nguyên giá			
01/01/2019	103.412.261.000	2.696.212.300	106.108.473.300
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2019	103.412.261.000	2.696.212.300	106.108.473.300
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2019	5.428.086.684	2.008.712.283	7.436.798.967
Tăng trong kỳ	1.143.151.248	124.999.998	1.268.151.246
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>1.143.151.248</i>	<i>124.999.998</i>	<i>1.268.151.246</i>
Giảm trong kỳ	-	-	-
30/6/2019	6.571.237.932	2.133.712.281	8.704.950.213
Giá trị còn lại			
01/01/2019	97.984.174.316	687.500.017	98.671.674.333
30/6/2019	96.841.023.068	562.500.019	97.403.523.087

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 14, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị còn lại là 38.399.584.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 38.923.215.416 VND) đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn (xem Thuyết minh số V.18) và quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị là 58.441.438.350 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 59.060.958.900 VND) đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi (xem Thuyết minh số V.18).

Nguyên giá của các phần mềm máy tính/ kế toán bao gồm phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 946.212.300 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 946.212.300 VND).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/6/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>115.201.052.593</i>	<i>115.201.052.593</i>
Hệ thống lò ủ	8.181.818.182	8.181.818.182
Cây cảnh	3.030.000.000	3.030.000.000
Phụ kiện máy cán, lò ủ	2.909.090.911	2.909.090.911
Hệ thống máy cán lạnh đảo chiều 04 trục	35.015.475.000	35.015.475.000
Hệ thống máy gia công thép không gỉ đảo chiều 04 trục	25.682.910.000	25.682.910.000
Hệ thống lò ủ mềm bóng sáng băng strip thép không gỉ	40.381.758.500	40.381.758.500
<i>Xây dựng cơ bản</i>	<i>36.754.895.913</i>	<i>36.754.895.913</i>
Hệ thống xử lý chất thải và hút bụi	2.727.272.727	2.727.272.727
Nhà xưởng sản xuất - kho ống mở rộng	11.020.852.276	11.020.852.276
Xây dựng nhà xưởng A8	13.126.727.273	13.126.727.273
Xây dựng móng máy, bờ kè	2.477.000.000	2.477.000.000
Hệ thống cáp điện thoại, điện chiếu sáng, chống sét, camera quan sát, thiết bị mạng	1.526.680.000	1.526.680.000
Hệ thống xử lý nước thải khu vực cán ủ và xử lý chất thải rắn	3.921.818.182	3.921.818.182
Các công trình tài sản khác	1.954.545.455	1.954.545.455
<i>Sửa chữa tài sản cố định</i>	<i>20.574.019.091</i>	<i>20.574.019.091</i>
Nâng cấp sửa chữa nhà xưởng chống thấm	1.818.181.818	1.818.181.818
Nâng cấp và cải tạo toàn bộ hệ thống Palang và lắp mới palang	1.272.727.273	1.272.727.273
Nâng cấp sửa chữa dây chuyền máy cán và sản xuất ống	3.665.070.000	3.665.070.000
Nâng cấp nền nhà kho và sửa chữa chống thấm, chống dột, sơn lại nhà xưởng A1, A3	2.433.000.000	2.433.000.000
Trục đỡ và phụ kiện máy cán	11.385.040.000	11.385.040.000
Cộng	<u>172.529.967.597</u>	<u>172.529.967.597</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Chailease	4.394.242.401	4.394.242.401	-	-
Tổng Công ty Điện lực TP. HCM	161.569.322	161.569.322	190.687.741	190.687.741
Công ty TNHH MTV SX TM DV Đức Phát	-	-	2.002.475.211	2.002.475.211
Công ty TNHH TM - XD Gốc Thịnh	699.500.001	699.500.001	1.450.500.001	1.450.500.001
Công ty Cổ phần TM XNK Maximex	-	-	7.042.416.770	7.042.416.770
Công ty TNHH Xây dựng - Sản xuất và Thương mại Phước An	1.456.790.886	1.456.790.886	2.433.787.141	2.433.787.141
Công ty TNHH XD TM Cầu đường Vĩnh Hưng	215.700.000	215.700.000	215.700.000	215.700.000
Các nhà cung cấp khác	635.884.467	635.884.467	999.597.102	999.597.102
Cộng	7.563.687.077	7.563.687.077	14.335.163.966	14.335.163.966

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2019	31/12/2018
Cửa hàng Sản xuất Nội thất Long Kim Cúc	-	64.233.602
Cơ sở Trúc Doanh	-	69.629.400
Công ty TNHH Đông Thịnh	115.841.235	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tiên Vinh	-	61.158.001
Công ty Cổ phần Vininox	-	480.744.600
Các khách hàng khác	50.198.702	238.107.555
Cộng	166.039.937	913.873.158

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2019
Thuế GTGT hàng bán/dịch vụ cung cấp trong nước	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.256.222.793	4.256.222.793	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1I, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2019
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(14.254.216)	-	-	(14.254.216)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.304.457.829	1.803.386.228	-	5.107.844.057
Thuế thu nhập cá nhân	1.652.721	4.035.986	4.111.336	1.577.371
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	3.291.856.334	6.068.645.007	4.265.334.129	5.095.167.212

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	14.254.216	14.254.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>3.306.110.550</u>	<u>5.109.421.428</u>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng: 10% áp dụng đối với doanh thu bán hàng/ cung cấp dịch vụ trong nước.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8.

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác hàng năm theo qui định hiện hành.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019	31/12/2018
Chi phí lãi vay phải trả	1.077.757.295	509.512.323
Phí kiểm toán	55.000.002	55.000.000
Cộng	1.132.757.297	564.512.323

17. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	615.685.410	3.414.400
Bảo hiểm xã hội	592.071.759	3.414.400
Bảo hiểm y tế	16.443.933	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7.169.718	-
b) Phải trả dài hạn khác	78.306.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	78.306.000	-
Cộng	693.991.410	3.414.400

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vay và nợ tài chính**

	30/6/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	331.018.698.487	331.018.698.487	304.613.074.543	(314.858.421.056)	341.264.045.000	341.264.045.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>329.628.169.303</i>	<i>329.628.169.303</i>	<i>303.741.704.543</i>	<i>(313.425.472.700)</i>	<i>339.311.937.460</i>	<i>339.311.937.460</i>
Ngân hàng TMCP Á Châu (i)	9.966.440.000	9.966.440.000	10.175.520.000	(13.290.000.000)	13.080.920.000	13.080.920.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Sài Gòn (ii)	18.457.443.696	18.457.443.696	22.924.000.000	(37.514.556.304)	33.048.000.000	33.048.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn (iii)	107.995.000.000	107.995.000.000	45.964.000.000	(46.356.000.000)	108.387.000.000	108.387.000.000
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (iv)	166.535.090.218	166.535.090.218	178.018.305.412	(169.601.526.934)	158.118.311.740	158.118.311.740
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi (v)	26.674.195.389	26.674.195.389	46.659.879.131	(46.663.389.462)	26.677.705.720	26.677.705.720
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>1.194.600.000</i>	<i>1.194.600.000</i>	<i>800.000.000</i>	<i>(1.255.200.000)</i>	<i>1.649.800.000</i>	<i>1.649.800.000</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn (vi)	800.000.000	800.000.000	800.000.000	(800.000.000)	800.000.000	800.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 (vii)	394.600.000	394.600.000	-	(455.200.000)	849.800.000	849.800.000
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</i>	<i>195.929.184</i>	<i>195.929.184</i>	<i>71.370.000</i>	<i>(177.748.356)</i>	<i>302.307.540</i>	<i>302.307.540</i>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	30/6/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (viii)	195.929.184	195.929.184	71.370.000	(177.748.356)	302.307.540	302.307.540
b) Dài hạn	190.320.000	190.320.000	-	(871.370.000)	1.061.690.000	1.061.690.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	-	-	-	<i>(800.000.000)</i>	<i>800.000.000</i>	<i>800.000.000</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hóc Môn (vi)	-	-	-	(800.000.000)	800.000.000	800.000.000
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	<i>190.320.000</i>	<i>190.320.000</i>	-	<i>(71.370.000)</i>	<i>261.690.000</i>	<i>261.690.000</i>
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (viii)	190.320.000	190.320.000	-	(71.370.000)	261.690.000	261.690.000
Cộng	331.209.018.487	331.209.018.487	304.613.074.543	(315.729.791.056)	342.325.735.000	342.325.735.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có các khoản vay nợ như sau:

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.1217.071218 ngày 7 tháng 12 năm 2018, hạn mức tín dụng là 4.600.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất 9,2%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.1019.071218/29914159-30955539 ngày 7 tháng 12 năm 2018, hạn mức tín dụng là 20.400.000.000 VND và 1.000.000,00 USD, thời hạn vay là 12 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng bất động sản tại 22/48 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh của ông Đỗ Hòa (cố đồng, thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc) và bà Nguyễn Lê Trâm Thư đồng sở hữu và hàng tồn kho của Công ty (xem Thuyết minh số V.7) để thế chấp cho khoản vay này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 0031800052200 ngày 14 tháng 11 năm 2018, hạn mức tín dụng là 45.000.000.000 VND, thời hạn vay từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 14 tháng 11 năm 2019. Mục đích khoản vay là để thanh toán L/C nhập khẩu trả ngay. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng bất động sản thuộc sở hữu của bên thứ ba tại số 46 Đường BC1, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh và các lô hàng inox nguyên liệu nhập khẩu trực tiếp qua Ngân hàng (xem Thuyết minh số V.7) để thế chấp cho khoản vay này.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Học Môn theo Hợp đồng tín dụng số 6140-LAV-201801913 ngày 8 tháng 8 năm 2018, hạn mức tín dụng là 108.400.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng và tối đa không quá 10 tháng cho từng khoản vay. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất ống thép không rỉ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6140-LCL-201400974 ngày 14 tháng 6 năm 2014, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trong khuôn viên thửa đất số 878, 879, tờ bản đồ số 65, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201402149/SĐBS ngày 5 tháng 4 năm 2016, máy đánh bóng inox và phụ kiện máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201600296 ngày 5 tháng 4 năm 2016, phụ kiện máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 6140-LCL-201600426 ngày 5 tháng 4 năm 2016 và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 575, 576, 577, 578, 579 tờ bản đồ số 14 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 6140-LCL-201701091 (xem Thuyết minh số V.11) để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 20/2018-HĐCVHM/NHCT948-KIMVI ngày 8 tháng 6 năm 2018, hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất của bên thứ 3 theo các Hợp đồng thế chấp số 043/2015-HĐTC, số 042/2017-HĐTC, số 030/2017-HĐTC, số 026/2016-HĐTC, số 063/2017-HĐTC, số 014/HĐCC-2017, số 015/HĐCC-2017, số 018/HĐCC-2017, số 022/HĐCC-2017, số 067/HĐCC-2017, số 052/HĐCC-2017, số 070/HĐCC-2017, số 077/HĐCC-2017, số 082/HĐCC-2017 để thế chấp cho khoản vay này.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Củ Chi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2018/8812626/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2018, hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở Thư tín dụng (L/C). Khoản vay này chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất thửa đất 875 tờ bản đồ 65 của Công ty (xem Thuyết minh số V.11) và quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của bên thứ 3 để thế chấp cho khoản vay này.
- (vi) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Học Môn theo Hợp đồng tín dụng số 6140-LAV-201500505 ngày 6 tháng 02 năm 2015, số 6140-LAV-200905458 ngày 04 tháng 6 năm 2009, số 6140-LAV-201203588 ngày 15 tháng 6 năm 2012, số 6140-LAV-201005982 ngày 18 tháng 5 năm 2010 kèm theo phụ lục hợp đồng số 6140-LAV-200905458 ngày 31 tháng 5 năm 2013, số 6140-LAV-201005982 ngày 31 tháng 5 năm 2013, số 6140-LAV-201203588 ngày 31 tháng 5 năm 2013, số tiền vay là 44.300.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Mục đích vay để xây dựng nhà máy thép không rỉ. Khoản vay này chịu lãi suất 9,5%/năm. Công ty đã sử dụng toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay theo dự án đầu tư sản xuất thép không rỉ (xem Thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất của bên thứ ba theo Hợp đồng thế chấp 6140-LCL-201400974 để thế chấp cho khoản vay này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1T, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (vii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201401217 ngày 4 tháng 11 năm 2014, số tiền vay là 7.300.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Mục đích vay để mua máy móc thiết bị. Khoản vay này chịu lãi suất 8,5%. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị hình thành từ vốn (xem Thuyết minh số V.9) để thế chấp cho khoản vay này.
 - Hợp đồng tín dụng số 1015-LAV-201600062 ngày 15 tháng 01 năm 2016, số tiền vay là 830.000.000 VND, thời hạn vay là 36 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất 8,5%. Công ty đã sử dụng xe ô tô tài được đầu tư từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số V.9).
- (viii) Khoản nợ dài hạn thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng thuê tài chính số 55.13.13/CTTC ngày 10 tháng 12 năm 2013, số 73.14.01/CTTC ngày 10 tháng 13 năm 2014, số 73.14.01/CTTC ngày 25 tháng 3 năm 2014, số 73.14.06/CTTC ngày 15 tháng 8 năm 2014, số 84.16.05/CTTC ngày 30 tháng 9 năm 2016, số 84.16.06/CTTC ngày 18 tháng 10 năm 2016 để thuê mua hệ thống trục đỡ và hộp giảm tốc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, phụ kiện lò ủ sáng bóng inox, trục cán nóng, trục đỡ trong thời gian 36 tháng, giá trị tài sản thuê là 6.675.222.196 VND. Lãi suất tiền thuê là 9,6%/năm, số tiền nợ gốc trả hàng tháng là 122.743.088 VND. Công ty dùng các tài sản thuê tài chính để đảm bảo nợ thuê (xem Thuyết minh số V.10).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/6/2019	31/12/2018
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2018	495.000.000.000	(74.372.727)	50.037.445.605	544.963.072.878
Lãi trong năm 2018	-	-	13.155.771.064	13.155.771.064
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
31/12/2018	495.000.000.000	(74.372.727)	63.025.216.669	557.950.843.942
01/01/2019	495.000.000.000	(74.372.727)	63.025.216.669	557.950.843.942
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2019	-	-	7.197.247.567	7.197.247.567
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	(168.000.000)	(168.000.000)
30/6/2019	495.000.000.000	(74.372.727)	70.054.464.236	564.980.091.509

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 2203/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 với số tiền là 168.000.000 VND.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>30/6/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.500.000	49.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>49.500.000</i>	<i>49.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.500.000	49.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>49.500.000</i>	<i>49.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>30/6/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Đô la Mỹ	USD	1.501,20	1.504,50

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
Doanh thu bán hàng	310.934.296.890	295.162.091.761
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.758.721.773	7.612.107.000
Doanh thu bán phế liệu	59.940.000	-
Cộng	<u>317.752.958.663</u>	<u>302.774.198.761</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng	294.039.159.187	271.090.831.875
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	2.737.384.777
Cộng	<u>294.039.159.187</u>	<u>273.828.216.652</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi	1.598.908.297	1.595.854.887
Lãi cho vay	652.352.333	565.926.668
Lãi trái phiếu	11.312.500	7.604.168
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.703.528	374.793
Cộng	<u>2.265.276.658</u>	<u>2.169.760.516</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Chi phí lãi vay	12.610.361.471	13.576.411.999
Lỗ chênh lệch tỷ giá	117.439.105	214.504.175
Cộng	12.727.800.576	13.790.916.174

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên	570.681.863	629.268.829
Chi phí vật liệu, bao bì	131.747.712	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	22.664.645	61.122.327
Chi phí khấu hao	231.845.869	341.791.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.490.328	652.669.674
Chi phí bằng tiền khác	16.309.272	17.005.728
Cộng	1.322.739.689	1.701.858.166

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	2.002.361.036	3.211.674.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	138.359.319	374.497.735
Chi phí khấu hao	2.848.652.694	2.977.073.954
Thuế, phí và lệ phí	5.920.000	5.380.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	828.370.349	597.728.052
Chi phí bằng tiền khác	298.393.916	215.774.774
Cộng	6.122.057.314	7.382.128.788

7. Lợi nhuận (lỗ) khác

Thu nhập khác	3.210.480.959	520.655.725
Thanh lý TSCĐ	3.210.479.954	-
Thanh lý phế liệu	-	515.415.000
Thu nhập khác	1.005	5.240.725
Chi phí khác	16.325.719	889.648
Phạt chậm nộp bảo hiểm	16.322.175	-
Chi phí khác	3.544	889.648
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	3.194.155.240	519.766.077

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	9.000.633.795	8.760.605.574
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	16.297.343	889.648
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	28.376	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền kỳ này</i>	28.376	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.325.719	889.648
<i>Chi phí không được khấu trừ</i>	16.325.719	889.648
Trừ: Lỗ các năm trước được kết chuyển	-	-
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	9.016.931.138	8.761.495.222
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.803.386.228	1.752.299.044

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.197.247.567	7.008.306.530
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.197.247.567	7.008.306.530
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.500.000	49.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	145	142

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.197.247.567	7.008.306.530
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	7.197.247.567	7.008.306.530
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.500.000	49.500.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	49.500.000	49.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	145	142
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	264.100.600.547	277.834.656.255
Chi phí nhân công	5.699.458.673	8.224.528.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.581.149.571	11.686.470.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.168.904.461	6.188.854.605
Chi phí bằng tiền khác	320.623.188	238.160.502
Cộng	283.870.736.440	304.172.670.873

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018</u>
Lãi cho vay phải thu	16.599.999	15.633.334
Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu	1.086.251.238	891.170.554
Lãi trái phiếu nhập gốc	11.312.500	7.604.168
Trả trước người bán mua sắm, xây dựng tài sản năm trước đã kết chuyển tài sản năm kỳ	-	- 7.129.615.455
Chi phí lãi vay phải trả	1.077.757.295	381.605.299

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi cho vay phải thu năm trước đã thu trong kỳ	23.240.000	38.190.000
Lãi tiền gửi phải thu năm trước đã thu trong kỳ	775.568.557	887.214.805
Phải trả tiền mua sắm tài sản năm trước đã trả trong kỳ	751.000.000	13.030.000.000
Chi phí lãi vay phải trả năm trước đã trả trong kỳ	509.512.323	478.471.735

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018
Tiền lương	477.600.000	472.600.000
Phụ cấp, tiền thưởng	160.266.227	200.531.537
Cộng	637.866.227	673.131.537

2. Báo cáo theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Công ty lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm inox do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa lý của khách hàng của Công ty.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động bán hàng, cung cấp sản phẩm tại các thị trường miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Hoạt động sản xuất được thực hiện tại Nhà máy Công ty tại miền Nam.

Dưới đây là phân tích lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Từ 01/01/2019 đến 30/6/2019				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.145.455	5.013.154.428	312.243.658.780	317.752.958.663
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	496.145.455	5.013.154.428	312.243.658.780	317.752.958.663
Giá vốn hàng bán phân bộ theo bộ phận	459.118.282	4.639.024.351	288.941.016.554	294.039.159.187
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.027.173	374.130.077	23.302.642.226	23.713.799.476

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1T, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.936.000	2.924.114.411	299.777.148.351	302.774.198.761
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.936.000	2.924.114.411	299.777.148.351	302.774.198.761
Giá vốn hàng bán phân bộ theo bộ phận	65.963.133	2.644.561.649	271.117.691.870	273.828.216.652
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.972.867	279.552.762	28.659.456.481	28.945.982.109

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu của Công ty hiện nay là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chuyên ngành inox. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.18 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2019	31/12/2018
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	331.209.018.487	342.325.735.000
Trừ: Tiền	(5.473.589.053)	(3.657.041.679)
Nợ thuần	325.735.429.434	338.668.693.321
Vốn chủ sở hữu	564.980.091.509	557.950.843.942
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	58%	61%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	30/6/2019		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền	5.473.589.053	5.473.589.053	3.657.041.679	3.657.041.679
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	61.140.675.913	61.140.675.913	59.854.730.626	59.854.730.626
Phải thu của khách hàng	80.987.927.377	80.987.927.377	87.816.752.870	87.816.752.870
Phải thu về cho vay	18.354.444.444	18.354.444.444	22.977.777.779	22.977.777.779
Phải thu khác	37.507.733.341	37.507.733.341	37.633.666.333	37.633.666.333
Cộng	203.464.370.128	203.464.370.128	211.939.969.287	211.939.969.287

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán	7.563.687.077	7.563.687.077	14.335.163.966	14.335.163.966
Chi phí phải trả	1.132.757.297	1.132.757.297	564.512.323	564.512.323
Phải trả khác	78.306.000	78.306.000	-	-
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	331.209.018.487	331.209.018.487	342.325.735.000	342.325.735.000
Cộng	339.983.768.861	339.983.768.861	357.225.411.289	357.225.411.289

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ thuê tài chính tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1t, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá trên thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay và nợ chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có ảnh hưởng của rủi ro lãi suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2019</u>	<u>31/12/2018</u>
Tài sản tài chính	73.140.675.913	73.854.730.626
Tiền gửi có kỳ hạn (đầu tư nắm giữ ngày đáo hạn)	60.840.675.913	59.554.730.626
Trái phiếu	300.000.000	300.000.000
Phải thu về cho vay (cho vay có lãi)	12.000.000.000	14.000.000.000
Nợ phải trả tài chính	331.209.018.487	342.325.735.000
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	331.209.018.487	342.325.735.000
Tài sản (nợ phải trả) tài chính thuần	<u>(258.068.342.574)</u>	<u>(268.471.004.374)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty trong kỳ sẽ giảm/tăng tương ứng là 2.580.683.426 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.684.710.044 VND).

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, phải thu từ hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 1T, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư nợ cho vay của Công ty là 18.354.444.444 VND trong đó các khoản cho vay có lãi suất 0,83%/ tháng là 12.000.000.000 VND. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các cá nhân có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Phải thu từ hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản phải thu từ hoạt động đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 32/KV-BTLH/2016 ngày ngày 5 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào dự án Khu Du lịch Bến Thành Long Hải tại Tỉnh lộ 44A, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải làm chủ đầu tư, hiện tại, dự án vẫn đang trong giai đoạn triển khai thực hiện. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản phải thu này không bị suy giảm về giá trị.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
30/6/2019			
Tài sản tài chính			
Tiền	5.473.589.053	-	5.473.589.053
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	61.140.675.913	-	61.140.675.913
Phải thu của khách hàng	80.987.927.377	-	80.987.927.377
Phải thu về cho vay	18.354.444.444	-	18.354.444.444
Phải thu khác	1.440.933.341	36.066.800.000	37.507.733.341
Cộng	<u>167.397.570.128</u>	<u>36.066.800.000</u>	<u>203.464.370.128</u>
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	7.563.687.077	-	7.563.687.077
Chi phí phải trả	1.132.757.297	-	1.132.757.297
Phải trả khác	-	78.306.000	78.306.000
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	331.018.698.487	190.320.000	331.209.018.487
Cộng	<u>339.715.142.861</u>	<u>268.626.000</u>	<u>339.983.768.861</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(172.317.572.733)</u>	<u>35.798.174.000</u>	<u>(136.519.398.733)</u>
31/12/2018			
Tài sản tài chính			
Tiền	3.657.041.679	-	3.657.041.679
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	59.854.730.626	-	59.854.730.626
Phải thu của khách hàng	87.816.752.870	-	87.816.752.870
Phải thu về cho vay	22.977.777.779	-	22.977.777.779
Phải thu khác	1.566.866.333	36.066.800.000	37.633.666.333
Cộng	<u>175.873.169.287</u>	<u>36.066.800.000</u>	<u>211.939.969.287</u>
Nợ phải trả tài chính			
Phải trả người bán	14.335.163.966	-	14.335.163.966
Chi phí phải trả	564.512.323	-	564.512.323
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	341.264.045.000	1.061.690.000	342.325.735.000
Cộng	<u>356.163.721.289</u>	<u>1.061.690.000</u>	<u>357.225.411.289</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(180.290.552.002)</u>	<u>35.005.110.000</u>	<u>(145.285.442.002)</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11; Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Trình bày lại số liệu

Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2018 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2018 (Được trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác	6.956.193.429	5.887.502	6.962.080.931
Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	305.887.502	(5.887.502)	300.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	63.025.216.669	-	63.025.216.669
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	50.037.445.605	(168.000.000)	49.869.445.605
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	12.987.771.064	168.000.000	13.155.771.064

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2019 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



ĐỖ HÙNG
Tổng Giám đốc

TRẦN TRUNG NGHĨA
Kế toán trưởng

THÁI THỊ CẨM TÚ
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ